TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Trần Ngoan;

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phan Thị Mai P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa ông H và bà P1 mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thanh H:** Năm 1992, ông H và bà P yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới cho ông H và bà P về sống chung với nhau, ông H và bà P sống chung với nhau đến năm 2021 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung ông H và bà P có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006, hiện nay H1 đã thành niên và có khả năng lao động còn T thì đang sống chung với bà P. Ông H và bà P sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn

đề trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ mà không hòa giải được, sống chung không hạnh phúc nên ông H đã ly thân với bà P từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân thì ông H và bà P cũng không có hàn gắn lại được tình cảm. Nhận thấy có hàn gắn sống chung lại với bà P cũng không hạnh phúc nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà P vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006 thì ông H tự nguyện giao cho bà P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Lời trình bày của bị đơn Phan Thị Mai P:** Năm 1992, bà P và ông H yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới cho bà P và ông H về sống chung với nhau, bà P và ông H sống chung đến năm 2021 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì bà P và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006, hiện nay H1 đã thành niên và có khả năng lao động còn T thì đang sống chung với bà P. Bà P và ông H sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ mà không hòa giải được, sống chung không hạnh phúc nên bà P và ông H đã ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân thì bà P và ông H cũng không có hàn gắn lại được tình cảm. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà P có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà P đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006, bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thanh H và bị đơn Phan Thị Mai P vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà P đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn, việc ông H và bà P không đăng ký kết hôn được chứng minh bằng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 100/UBND-XNTTHN ngày 04-6-2024 (đối với ông Nguyễn Thanh H) và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 114/UBND-XNTTHN ngày 02-7-2024 (đối với bà Phan Thị Mai P) đều của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân của ông H và bà P là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Ông H và bà P có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù ông H và bà P thống nhất ly hôn nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P không hợp pháp, do đó không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà P thống nhất trong khoảng thời gian chung sống với nhau như vợ chồng có được 02 con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006. Nay ông H và bà P thỏa thuận: Con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên ông H và bà P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; Con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006 thì giao cho bà P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu T đang sống chung với bà P và có nguyện vọng được sống chung với bà P theo Tờ tự khai đề ngày 05-7-2024 của cháu T). Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T mà không ai được cản trở. Ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu T của ông H nên công nhận sự thỏa thuận của ông H và bà P theo quy định tại các điều 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng, ông H không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy ông H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010093 ngày 13-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, ông H đã nộp đủ tiền án phí. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị Mai P là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị Mai P như sau:

- Con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01-01-1992 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị Mai P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26-11-2006 cho bà Phan Thị Mai P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu T đang sống chung với bà P và có nguyện vọng được sống chung với bà P). Ông Nguyễn Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thị Kim T mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Thanh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cháu Nguyễn Thị Kim T thì bà Phan Thị Mai P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu Nguyễn Thị Kim T của ông Nguyễn Thanh H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Mai P không yêu cầu cấp dưỡng, ông Nguyễn Thanh H không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị Mai P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

- Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010093 ngày 13-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, ông Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí.

- Bà Phan Thị Mai P không phải chịu án phí.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Dưỡng